

**MỤC LỤC**

*Trang*

<b>DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....</b>	<b>3</b>
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH, BẢNG.....</b>	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....</b>	<b>5</b>
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở .....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	6
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu .....	7
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở .....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....	8
5.1. Các hạng mục công trình của Cửa hàng .....	8
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	9
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>10</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
<b>CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>12</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	12
1.1. Thu gom, thoát nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu mỡ.....	12
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	12
1.3. Xử lý nước thải .....	13
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	15
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	16
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	16

6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ.....	16
6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu .....	17
6. Nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT của Cơ sở ...	20
<b>CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ...</b>	<b>21</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	21
1.1. Nguồn phát sinh nước thải .....	21
1.2. Dòng thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thừa, vị trí xả nước thải.....	21
1.3. Phương thức xả thải.....	22
1.4. Chế độ xả nước thải.....	22
1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.....	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải.....	23
3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung.....	23
<b>CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>24</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	24
<b>CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>25</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	25
2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	25
2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	25
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	26
2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	26
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án .....	26
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	26
<b>CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>27</b>
<b>CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>28</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO.....</b>	<b>29</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
1	BCT	Bộ Công thương
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CTNH	Chất thải nguy hại
6	CTR	Chất thải rắn
7	NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
11	UPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu

**DANH MỤC CÁC HÌNH, BẢNG**

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của Cửa hàng .....	6
Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục của cơ sở.....	8
Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng.....	6
Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại .....	16
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.....	22
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.....	23
Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải năm 2022, 2023 .....	24

## **CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng.
- Địa chỉ văn phòng: 179 Nguyễn Văn Thoại, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Bà) Lê Thị Hào - Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0236.3987457
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400332955-055 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 10/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/08/2017.

### **2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: Petrolimex - Cửa hàng 71.
- Địa điểm cơ sở: Quốc lộ 1A, xóm 9, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Giấy xác nhận số 916/GXN-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện Hải Lăng về việc xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường công trình: “Cải tạo, sửa chữa Cửa hàng xăng dầu Diên Sanh” tại thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng đã thuê lại Cửa hàng xăng dầu Diên Sanh của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quảng Trị (trước đây là Công ty thương mại tổng hợp Thạch Hãn) - hợp đồng đính kèm tại phụ lục.
- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Diên Sanh thuộc Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng.
- Cơ sở đã đổi tên từ Cửa hàng xăng dầu Diên Sanh thành Petrolimex - Cửa hàng 71 và được thống nhất tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 25/GCNĐDK-SCT ngày 08/04/2024 của Sở công thương tỉnh Quảng Trị.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 2 tỷ đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công năm 2019, cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C.

- Cơ sở có tiêu chí môi trường là Cơ sở thuộc mục số 2, phụ lục V ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

- Công suất hoạt động:

**Bảng 1.1. Công suất hoạt động của Cửa hàng**

<b>TT</b>	<b>Loại sản phẩm</b>	<b>Số lượng (m<sup>3</sup>/tháng)</b>
1	Xăng RON 95	20
2	Xăng E5 92	20
3	Dầu Diesel	40
<b>Tổng</b>		80

- Quy mô diện tích: 825 m<sup>2</sup>.

- Quy mô hoạt động:

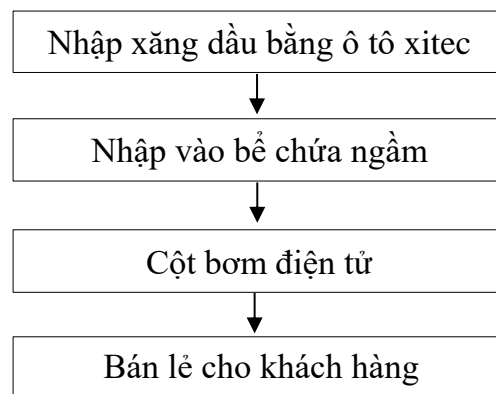
+ Cửa hàng có 04 cột bơm: bao gồm 02 cột đơn bơm xăng và 02 cột đơn bơm dầu.

+ Cửa hàng có 03 bể chìm chứa xăng dầu: bao gồm 02 bể chứa xăng (12m<sup>3</sup>/bể), 01 bể chứa dầu (25m<sup>3</sup>/bể).

+ Cấp cửa hàng: Cửa hàng xăng dầu cấp 3.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Quy trình xuất nhập xăng dầu của cửa hàng được thể hiện ở sơ đồ 1.1.



#### **Sơ đồ 1.1. Quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng**

*Thuyết minh quy trình:*

Xăng dầu được vận chuyển đến cửa hàng bằng ô tô xitec và được nhập vào các bể chứa ngầm bằng hệ thống họng nhập kín và sử dụng hệ thống thu hồi hơi để hạn

chế tối đa lượng xăng dầu thất thoát do bay hơi.

Trong quá trình nhập xăng dầu, ô tô xitec được đầu nối với hệ thống tiếp đất đảm bảo dẫn điện tốt để tránh xuất hiện tĩnh điện gây cháy nổ khi nhập hàng.

Xăng dầu từ bồn chứa được xuất bằng hệ thống thép đi ngầm dưới đất dẫn đến các cột bơm sau đó bơm cho các phương tiện tùy theo số lượng của khách hàng.

Các bể chứa đều được lắp đặt van thở trong có thiết bị ngăn tia lửa, lắp đặt hệ thống tiếp đất phòng chống sét vào van thở và phòng chống tĩnh điện.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Sản phẩm của cơ sở là kinh doanh xăng, dầu với khối lượng trung bình mỗi tháng được thể hiện rõ ở Bảng 1.1.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

### **4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu**

Nguồn nhiên liệu xăng, dầu của cửa hàng được nhập từ Công ty xăng dầu Quảng Trị thông qua hệ thống vận chuyển xe bồn chuyên dụng với khối lượng ở bảng 1.1.

### **4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở**

#### **a. Nhu cầu về điện**

- Nguồn cung cấp điện cho cửa hàng được lấy từ mạng lưới hạ thế chung của khu vực điện áp 380/220V.

- Điện phục vụ cho các hoạt động bơm xuất hàng, chiếu sáng, sinh hoạt của công nhân khoảng 2.600 kW/tháng.

#### **b. Nhu cầu về nước**

- Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước cấp cho khu vực cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm tại khu vực.

- Nhu cầu cấp nước: Tiêu chuẩn dùng nước và nhu cầu dùng nước được tính theo TCVN 13606:2023 - Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - yêu cầu thiết kế như sau:

- + Nước dùng cho sinh hoạt của 4 CBCNV: 120 lít/người/ngày.đêm.
- + Nước dùng cho sinh hoạt của 10 khách vãng lai: 15 lít/người/ngày.đêm.
- + Nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu: 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- + Nước tưới cây: 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước cho cơ sở như sau:

**Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở**

<b>TT</b>	<b>Thành phần dùng nước</b>	<b>Nhu cầu sử dụng (m<sup>3</sup>/ngày.đêm)</b>
1	Nước dùng cho sinh hoạt của 4 CBCNV	0,48
2	Nước dùng cho sinh hoạt của 10 khách vãng lai	0,15
3	Nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu	0,5
4	Nước tưới cây	0,5
<b>Tổng</b>		<b>1,63</b>

## **5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở**

### **5.1. Các hạng mục công trình của Cửa hàng**

Petrolimex - Cửa hàng 71 có tổng diện tích 825 m<sup>2</sup> với quy mô các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1.3. Quy mô các hạng mục của cơ sở**

<b>TT</b>	<b>HẠNG MỤC</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Quy mô</b>
<b>I</b>	<b>Các hạng mục chính</b>		
1	Nhà làm việc	m <sup>2</sup>	52
2	Bể chứa xăng dầu	m <sup>2</sup>	60
3	Mái che cột bơm	m <sup>2</sup>	165
<b>II</b>	<b>Các hạng mục phụ trợ</b>		
6	Bể chứa cát và nước PCCC	m <sup>2</sup>	3
7	Sân bãi bê tông	m <sup>2</sup>	257
8	Sân bãi có khả năng nhiễm dầu	m <sup>2</sup>	75
9	Nhà vệ sinh	m <sup>2</sup>	20
10	Nhà kho	m <sup>2</sup>	15
<b>III</b>	<b>Hạng mục BVMT</b>		
10	Bể tách dầu mỡ	m <sup>2</sup>	2
11	Kho chứa CTNH	m <sup>2</sup>	6
12	Cây xanh	m <sup>2</sup>	170
<b>Tổng cộng</b>		<b>m<sup>2</sup></b>	<b>825</b>

- Số lượng CBCNV trong Cửa hàng: 4 người.
- Số lượng khách vãng lai/ngày: 10 người.
- Thời gian làm việc: từ 6h00 - 22h00.



## **5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường**

### **a. Thu gom, thoát nước mưa**

- Lượng nước mưa từ các công trình có mái che được thu gom bằng các ống PVC D90 xuống sân bãi bê tông và theo hướng nghiêng địa hình dẫn ra cống thoát nước dọc Quốc lộ 1A và đổ về hồ Khe Chè.

- Lượng nước mưa khu vực cây xanh sẽ thấm trực tiếp vào môi trường đất.

### **b. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải**

*\* Nước thải sản xuất (nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ, nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu)*

- Hiện tại trong khu vực cửa hàng đã xây dựng rãnh thoát nước thải để thu gom lượng nước mưa chảy tràn qua sân bãi và nước vệ sinh sân bãi có chứa dầu mỡ. Hệ thống rãnh có kích thước  $(D \times R \times C) = (20 \times 0,25 \times 0,3)m$  nằm trước mặt cửa hàng, sau khi thu gom được dẫn vào bể tách dầu mỡ 02 ngăn với kích thước mỗi ngăn là  $(D \times R \times C) = (1 \times 1 \times 1,5)m$  nằm ở góc phía Tây để xử lý và thoát ra hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 1A và đổ về hồ Khe Chè.

- Đối với váng dầu thu gom từ bể lắng, Cửa hàng đã thu gom vào thùng chứa 60L và lưu giữ tại kho CTNH có diện tích  $6m^2$  ở góc phía Bắc của Cửa hàng.

*\* Nước thải sinh hoạt*

- Nước thải đen: Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích  $6,5 m^3$  nằm ở góc phía Bắc của Cửa hàng. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được dẫn qua hố ga có kích thước  $D \times R \times C = (2 \times 2 \times 3)m$  và thấm ra môi trường đất. Phần cặn lắng định kỳ 2 năm/lần Công ty sẽ thuê đơn vị hút hầm vệ sinh tại Hải Lăng hút đưa đi xử lý.

- Nước thải xám: Nước thải xám phát sinh từ quá trình vệ sinh cá nhân như hoạt động rửa tay chân của CBCNV Cửa hàng và khách hàng được thu gom bằng ống nhựa PVC D90 rồi đầu vào hố ga của bể tự hoại có kích thước  $(2 \times 2 \times 3)m$ , sau đó thấm xuống đất.

### **c. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn, CTNH**

- Đối với CTR thông thường: CTR sinh hoạt của 4 CBCNV và khoảng 10 khách vắng lai/ngày được thu gom, phân loại vào 03 sọt rác 60L đặt tại các vị trí ra vào cửa hàng và hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị Hải Lăng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 02 lần/tuần.

- Đối với CTNH hiện đang được thu gom vào 03 thùng chứa 60L có nắp đậy, dán nhãn CTNH sau đó lưu giữ tại kho CTNH (diện tích  $6m^2$ ) tại góc phía Bắc của cơ sở, hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thu gom lượng CTNH phát sinh và mang đi xử lý với tần suất 2 lần/năm.

## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 trong đó nêu rõ: Xây dựng hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại, cụm thương mại dịch vụ, hệ thống chợ các cấp phục vụ cho nhu cầu trao đổi hàng hoá và phục vụ sinh hoạt của người dân; phát triển hạ tầng thương mại đô thị và nông thôn và xây mới một số chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản; phát triển nhanh các ngành dịch vụ với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao.

- Petrolimex - Cửa hàng 71 có vị trí tại khóm 9, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng thuộc phân vùng môi trường khác theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu quy định:

+ Cửa hàng xăng dầu tiếp giáp với công trình xây dựng khác phải có tường bao kín có chiều cao không nhỏ hơn 2,2 m (so với cốt nền sân bên trong Cửa hàng), bằng vật liệu không cháy. Đối với các hạng mục công trình dân dụng và các công trình xây dựng khác ngoài cửa hàng (không bao gồm nơi sản xuất có phát lửa hoặc tia lửa và công trình công cộng) có bậc chịu lửa I, II, trường hợp mặt tường về phía cửa hàng xăng dầu là tường ngăn cháy thì không yêu cầu khoảng cách an toàn từ hạng mục đó đến tường rào cửa hàng xăng dầu nhưng phải tuân thủ các quy định về xây dựng hiện hành. Hiện tại, xung quanh cửa hàng đã xây dựng tường cao 2,5 m có kết cấu bằng bê tông xi măng chống cháy đảm bảo đúng theo quy định.

+ Khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài cửa hàng là 3,5 m ( đã giảm 30% do cửa hàng có lắp hệ thống thu hồi hơi xăng dầu). Hiện tại, cửa hàng giáp nhà dân thuộc cụm dân cư Khóm 9 về phía Đông và phía Nam. Trong đó, khoảng cách từ bể chứa (cổ bể) đến nhà dân gần nhất là 3,8 m về phía Đông và khoảng cách từ cột bơm đến nhà dân gần nhất là 12 m về phía Nam. Do đó, khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài cửa hàng đảm bảo theo

QCVN 01:2020/BCT.

- Cơ sở có khoảng cách an toàn về môi trường đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng trong đó quy định: Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định quy hoạch mới tối thiểu là 300m. Khoảng cách giữa cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định quy hoạch mới đến những nơi thường xuyên tụ họp đông người (chợ, trung tâm thương mại, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao, công sở) tối thiểu là 50m. Hiện nay, vị trí xây dựng cơ sở có khoảng cách đến Cửa hàng xăng dầu gần nhất (Cửa hàng xăng dầu Hải Lăng) là 450m; trong phạm vi bán kính 50m của cơ sở không có địa điểm tập trung đông người (cách vị trí cơ sở khoảng 110m về phía Đông Bắc là Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hải Lăng).

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Tuy nhiên, quá trình hoạt động đến nay chủ cơ sở đã thực hiện giám sát môi trường hàng năm, qua kết quả quan trắc giám sát vào năm 2022 và 2023 (thể hiện rõ tại Chương V) cho thấy kết quả quan trắc nước thải tại cửa hàng nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định. Điều đó cho thấy, hoạt động của cửa hàng có tác động không lớn đến môi trường xung quanh.

## **CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

#### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu mỡ**

- Nguồn phát sinh: Nước mưa từ các công trình có mái che và xung quanh sân bãi bê tông, khu vực cây xanh.

- Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết của khu vực. Thành phần chủ yếu là các đất, cát, chất rắn lơ lửng của các phương tiện ra vào nhập nhiên liệu.

- Lượng nước mưa chảy tràn trong diện tích khu vực được xác định theo công thức (TCVN 7957:2023 - Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - tiêu chuẩn thiết kế):

$$Q = q \times F \times \beta \times \psi \quad (1)$$

Trong đó:

q- Cường độ mưa tính toán; Lượng mưa trung bình năm 2020 có giá trị 3.558 mm, lượng mưa trung bình ngày có giá trị 9,75 mm.

F- Diện tích lưu vực mà tuyến cống phục vụ ( $m^2$ ),  $F= 750 m^2$ : Tổng diện tích mặt bằng của cơ sở là  $825 m^2$  trong đó: diện tích các hạng mục công trình (đã trừ diện tích sân bãi có khả năng nhiễm dầu) là  $580 m^2$ ; Diện tích cây xanh là  $170 m^2$  ;

$\beta$ - Hệ số phân bố mưa,  $\beta = 1$  (tương ứng diện tích lưu vực <500 ha);

$\psi$ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P;  $\psi = 0,75$  tương ứng mặt phủ bê tông và  $\psi = 0,32$  tương ứng với mặt cỏ, cây xanh, độ dốc 1-2%.

$$\text{Vậy } Q = 0,00975m \times 1 \times (580 \times 0,75 + 170 \times 0,32) = 4,7 m^3/\text{ngày}.$$

Lượng nước mưa từ các công trình có mái che được thu gom bằng các ống PVC D90 xuống sân bãi bê tông và theo hướng nghiêng địa hình dẫn ra cống thoát nước dọc Quốc lộ 1A và đổ về hồ Khe Chè. Lượng nước mưa khu vực cây xanh sẽ thấm trực tiếp vào đất.

#### **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

##### **a. Đối với nước thải sản xuất**

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình vệ sinh sân đường trước nhà bán hàng và mái che cột bơm phát sinh khi có nước mưa chảy qua khu vực.

- Thành phần: Nước thải sản xuất chủ yếu chứa dầu mỡ rơi vãi, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng:

+ Đối với nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ trước khu vực bán hàng với diện tích 75 m<sup>2</sup>. Thay giá trị diện tích vào công thức (1) ta có:

$$Q = 0,00975m \times 75 \text{ m}^2 \times 1 \times 0,75 = 0,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Vậy, tổng lượng nước thải sản xuất của cơ sở là: 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Lượng nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ và nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu được thu gom bằng rãnh thoát nước phía trước khu vực bán hàng. Rãnh có kích thước (D×R×C) = (20×0,25×0,3)m, có kết cấu bằng bê tông, nắp đập đan thép. Sau khi thu gom được dẫn ra bể tách dầu mỡ 2 ngăn để xử lý và thoát ra mương thoát nước dọc Quốc lộ 1A và đổ về hồ Khe Chè.

#### ***b. Đối với nước thải sinh hoạt***

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 4 CBCNV làm việc tại cửa hàng và 10 khách vãng lai/ngày.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng: 0,63 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (Bảng 1.2). Trong đó, nước thải đen chiếm 60% (0,38 m<sup>3</sup>/ngày) và nước thải xám chiếm 40% (0,25 m<sup>3</sup>/ngày).

- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom bằng ống PVC D140 có tổng chiều dài 10m và dẫn qua bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại được bố trí tại góc phía Bắc của cửa hàng.

### ***1.3. Xử lý nước thải***

#### ***a. Đối với nước thải sản xuất***

- Để xử lý nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ và nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu, chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống bể tách dầu mỡ 2 ngăn được bố trí tại góc phía Tây của Cửa hàng để xử lý. Bể có cấu tạo bằng bê tông cốt thép với kích thước mỗi ngăn là (D×R×C) = (1×1×1,5)m.

- Đối với váng dầu và bùn lắng tại bể tách dầu mỡ được thu gom vào thùng chứa 60L, lưu giữ tại kho CTNH của cửa hàng, định kỳ thuê Công ty TNHH Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh mang đi xử lý với tần suất 2 lần/năm.

- Để đánh giá chất lượng nước thải là nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ và nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu sau khi qua hệ thống xử lý, báo cáo tiến hành tham khảo kết quả giám sát chất lượng nước thải năm 2022 và năm 2023 của cơ sở do

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện, kết quả thể hiện tại bảng 5.1 cho thấy các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B).

**b. Đối với nước thải sinh hoạt**

**\* Đối với nước thải đen**

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 4 CBCNV và 10 khách vắng lai, chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện bể tự hoại với thể tích 6,5 m<sup>3</sup> nằm tại góc phía Bắc của cửa hàng.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$ . Trong đó:

$W_n$ : Thể tích phần nước của bể; (m<sup>3</sup>)

$W_c$ : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m<sup>3</sup>)

+ Trị số  $W_n$  có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

$Q_n$ : Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; (m<sup>3</sup>)

Ở đây chọn:  $W_n = 2Q_n = 2 \times 0,63 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} = 1,3 \text{ m}^3$ .

+ Trị số  $W_c$  được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000]$  (m<sup>3</sup>). Trong đó:

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5- 0,8 lít/người.ng.đ).

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày.

$W_1, W_2$ : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn:  $W_1=95\%$ ,  $W_2=90\%$ .

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người mà bể phục vụ 14 người.

$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 14] / [(100 - 90) \times 1.000] = 1,7 \text{ m}^3$

Tổng thể tích bể tự hoại là  $1,3 + 1,7 = 3 \text{ m}^3$ . Hiện tại, Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích 6,5 m<sup>3</sup> nằm ở góc phía Bắc của Cửa hàng. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được dẫn qua hố ga có kích thước  $D \times R \times C = (2 \times 2 \times 3) \text{ m}$  và thấm ra môi trường đất. Phần cặn lắng định kỳ 2 năm/lần Công ty sẽ

thuê đơn vị hút hầm vệ sinh tại Hải Lăng hút đưa đi xử lý.

***\* Đối với nước thải xám***

Nước thải xám phát sinh từ quá trình vệ sinh cá nhân như hoạt động rửa tay chân của CBCNV Cửa hàng và khách hàng được thu gom bằng ống nhựa PVC D90 rồi đầu vào hố ga của bể tự hoại có kích thước (2×2×3) m, sau đó thấm xuống đất.

**2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Trong quá trình hoạt động của cơ sở đã phát sinh ra khí thải, bụi từ hoạt động ra vào cửa hàng của các phương tiện giao thông. Hơi xăng dầu bay hơi khi nhập, xuất xăng dầu. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh...

Để hạn chế đến mức thấp nhất hơi xăng dầu khuếch tán ra môi trường bên ngoài, cơ sở đã áp dụng có hiệu quả các biện pháp như sau:

- Toàn bộ các đường ống xuất xăng dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng dầu ra đúng vị trí các cột bơm.

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn 01:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng cũng như giảm thiểu khả năng phát sinh hơi xăng dầu.

- Lắp đặt hệ thống họng nhập kín, hệ thống van thở để kiểm soát áp suất dư và áp suất chân không trong bể để đảm bảo an toàn cho bể chứa và chống tổn thất do bay hơi xăng dầu trong quá trình vận hành, tuân thủ theo các yêu cầu của QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Xe ô tô để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

- Tổ chức vệ sinh hằng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực cửa hàng.

- Trang bị áo quần, găng tay, khẩu trang cho công nhân lao động.

- Hằng ngày, công nhân của cửa hàng sẽ tiến hành phun nước nhằm hạn chế bụi phát sinh do gió hoặc do các phương tiện ra vào cửa hàng.

**3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

- Nguồn phát sinh: quá trình sinh hoạt của 4 CBCNV và 10 khách vãng lai/ngày.

- Thành phần và tải lượng: Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ... Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại cửa hàng khoảng 3 kg/ngày. Hiện tại cửa hàng đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

+ Bố trí 3 sọt rác 60L tại vị trí ra vào cửa hàng để thu gom và phân loại rác. Bao gồm 03 loại là rác hữu cơ, rác vô cơ và rác tái chế. Đồng thời nhắc nhở công nhân vệ sinh khuôn viên cửa hàng thường xuyên.

+ Công ty đã hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị Hải Lăng thu gom, vận chuyển đi xử lý lượng CTR phát sinh với tần suất 02 lần/tuần (hợp đồng đính kèm tại phụ lục).

#### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

- Hoạt động của cửa hàng phát sinh các chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, hộp mực in, dầu mỡ và bùn thải từ hệ thống xử lý với khối lượng khoảng 5kg/tháng.

- Hiện nay, toàn bộ các chất thải này đã được thu gom, phân loại vào 03 thùng chứa có nắp đậy 60L và lưu trữ tại kho CTNH diện tích 6m<sup>2</sup>. Kho có kết cấu bằng tường xây, nền xi măng và có vị trí tại góc phía Bắc của Cửa hàng.

- Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thu gom lượng CTNH phát sinh và mang đi xử lý với tần suất 2 lần/năm (hợp đồng đính kèm tại phụ lục).

#### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại cửa hàng chủ yếu từ các phương tiện ra vào cửa hàng để mua xăng dầu. Do đó, cửa hàng sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quy định tốc độ các loại phương tiện khi ra vào cửa hàng.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào cửa hàng hạn chế sử dụng còi xe, các trường hợp khi cần sẽ yêu cầu tắt máy trước khi vào cửa hàng.

#### **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

##### **6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ**

- Cửa hàng đã có Giấy chứng nhận số 06/ĐK-PCCC ngày 13/01/2009 của phòng cảnh sát PCCC&CNCH về việc đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

- Toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của cửa hàng tuân thủ theo QCVN 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu trong phòng chống cháy nổ được bố trí như sau:



+ Trang bị các bình cứu hỏa cả trên xe đẩy cơ động và vách treo tường tại nhà bán hàng, khu vực văn phòng, cột bơm xăng dầu. Trong đó, bình chữa cháy có xe đẩy MFZT35 loại 35kg có 01 bình. Bình chữa cháy MFZ8 có 05 bình, MT5 có 02 bình. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thuận tiện ở Cửa hàng, dễ nhìn thấy cùng với các chần sợi.

+ Trang bị các tiêu lệnh PCCC, keng báo cháy. Các biển báo và ký hiệu cấm lửa, không sử dụng điện thoại... ở các vị trí cần thiết như các cột bơm và phía trước nhà bán hàng, xung quanh vách tường.

- Các bể chứa xăng, dầu được chôn ngầm dưới cát, có hệ thống kết cấu neo bể chống đẩy nổi. Xung quanh bể có hệ thống cọc tiếp địa chống tĩnh điện đảm bảo an toàn tuyệt đối khi xe vào nhập hàng.

- Bố trí 1 bể chứa nước và 1 bể chứa cát có thể tích 4m<sup>3</sup> sát bể chứa xăng dầu để đảm bảo phòng cháy chữa cháy. Xây dựng tường rào cao 2,5m.

- Toàn bộ đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng các vị trí cột bơm.

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Thường xuyên diễn tập công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên cửa hàng.

## ***6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu***

Hiểu rõ đặc thù các hoạt động của mình, Công ty luôn coi trọng công tác phòng chống và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra. Vì vậy Công ty đã thiết kế hệ thống xuất, nhập xăng dầu theo đúng quy định, các vật liệu lưu chứa, đường dẫn được lựa chọn đúng chất lượng, đảm bảo bền bỉ, an toàn với thời gian. Hiện tại cơ sở đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Các phương tiện, trang thiết bị ứng phó mà Công ty đã trang bị như hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện chiếu sáng của cửa hàng xăng dầu Nguyễn Du và các trang thiết bị UPSCTD như chần sợi, giấy thấm, cát chữa cháy, phao quây để thu hồi dầu tràn không để phân tán rộng ra môi trường. Trong trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt khả năng ứng phó của cửa hàng sẽ thông báo với cơ quan chức năng liên quan để ứng cứu kịp thời.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu theo quy định như sau:

**\* Quy trình chung:**

Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn: Khi xảy ra sự cố, trước tiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải khống chế ngay nguồn gây dầu tràn ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại cửa hàng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại cửa hàng.

- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.

- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh cửa hàng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.

- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.

- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.

**\* Thông báo, báo động:**

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho cửa hàng trưởng/Đội trưởng đội UPSCTD, cửa hàng trưởng thông báo cho Giám đốc Công ty/Trưởng BCD để BCD kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu.

- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh ... để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động.

**\* Đánh giá sự cố:** Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá như vị trí và loại sự cố, ước lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

+ Hướng di chuyển của vệt dầu;

+ Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

+ Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

+ Mức độ thông báo/báo động;

- + Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn.
- + Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyển hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng.
- + Thực lực của Đội Ứng phó sự cố tràn dầu (UPCSTD) tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;

+ Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

*\* Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng ứng phó*

Để có phương án ứng phó có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của Chỉ huy trưởng và Đội trưởng đội UPCSTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng (giám đốc Công ty) lựa chọn phương pháp ứng phó

- Đội trưởng Đội UPCSTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó của Chỉ huy trưởng, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường.

- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của cửa hàng tham gia ứng phó. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

*\* Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường:*

- Tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu... để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.

- Tránh phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa “vùng ô nhiễm” và “vùng sạch”, kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín...

- Mọi hoạt động ứng phó đều phải được thực hiện sao cho tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung được đảm bảo ở một mức độ cao nhất.

*\* Kết thúc hoạt động ứng cứu:*

- Sau khi hoàn thành công tác ứng phó hiện trường, môi trường đảm bảo, không còn nguy cơ cháy nổ, Chỉ huy trưởng ra lệnh kiểm tra, bảo trì, làm sạch và thu hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác UPCSTD về vị trí ban đầu.

+ Các trang thiết bị trước khi ra khỏi khu vực sự cố phải được làm sạch nhằm tránh ô nhiễm thứ cấp.

- + Thu hồi trang thiết bị, vật tư còn có khả năng sử dụng, tiến hành kiểm tra, bảo trì.
- + Tiến hành rà soát và có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng ứng phó.
- + Sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng để nhanh chóng trở lại sản xuất.
- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu:
  - + Giảm thiểu chất thải tại nguồn: dọn sạch rác thải, đá, cỏ... (nếu có thể) nơi có thể tràn đến; tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.
  - + Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được chứa tạm thời một cách an toàn, tập trung về một địa điểm, ngăn không cho thấm tràn ra môi trường xung quanh và sau đó được chuyển đến nơi xử lý sau cùng.

Việc xử lý dầu phải do đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nhiễm dầu khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện công tác bồi thường thiệt hại (nếu có): thu thập thông tin, thiệt hại, lập các thủ tục và hồ sơ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, trong quá trình ứng phó tiến hành lập, các biên bản, báo cáo cần thiết để cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi hoặc sử dụng trong công tác bồi thường thiệt hại.

## **6. Nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT của Cơ sở**

So với giấy xác nhận số 916/GXN-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện Hải Lăng về việc xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường công trình: “Cải tạo, sửa chữa Cửa hàng xăng dầu Diên Sanh” tại thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, cơ sở vẫn giữ nguyên công suất tuy nhiên chỉ thay đổi 01 hạng mục là bể chứa dầu mỡ: giảm từ 02 bể (25 m<sup>3</sup>/bể) xuống 01 bể (25 m<sup>3</sup>) để phù hợp với nhu cầu sử dụng của cơ sở.

## **CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

#### **1.1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Cửa hàng.
- Nguồn 02: Nước thải xám từ quá trình vệ sinh cá nhân như hoạt động rửa tay chân của CBCNV Cửa hàng và khách hàng.
- Nguồn 03: Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ và nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu được thu gom về tách dầu mỡ.

#### **1.2. Dòng thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

##### **1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt, rửa tay của 4 CBCNV và 10 khách vãng lai/ngày sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, dẫn vào hố ga và thấm xuống đất tại khu vực.
- Dòng thải số 02: Nước phát sinh từ quá trình vệ sinh cá nhân như hoạt động rửa tay chân của CBCNV Cửa hàng và khách hàng được thu gom vào hố ga của bể tự hoại sau đó thấm ra môi trường đất.
- Dòng thải số 03: Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ và nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu sau khi xử lý bằng bể tách dầu mỡ 2 ngăn được thu gom và chảy ra hệ thống mương thoát nước dọc Quốc lộ 1A.

##### **1.2.2. Vị trí xả nước thải**

- Dòng nước thải số 01: Nước thải thấm xuống đất tại khu vực. Tọa độ X: 1.845.923 m; Y: 606.252 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Dòng nước thải số 02: Nước thải thấm xuống đất tại khu vực. Tọa độ X: 1.845.923 m; Y: 606.252 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Dòng nước thải số 03: Nước thải được thoát ra hệ thống mương thoát nước dọc Quốc lộ 1A sau đó đổ về hồ Khe Chè. Tọa độ X: 1.845.907m; Y: 606.241m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

##### **1.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất**

- Nước thải đen: 0,38 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nước thải xám: 0,25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nước thải sản xuất: 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

### **1.3. Phương thức xả thải**

- Nước thải đen: Tự chảy
- Nước thải xám: Tự chảy
- Nước thải sản xuất: Tự chảy

### **1.4. Chế độ xả nước thải**

- Nước thải đen: Xả thải liên tục trong ngày.
- Nước thải xám: Xả thải liên tục trong ngày.
- Nước thải sản xuất: Xả thải khi có mưa hoặc khi vệ sinh sân bãi.

### **1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận**

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

#### **1.5.1. Nước thải sinh hoạt**

**Bảng 4.1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)</b>
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/l	120
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
6	Coliform	MPN/100 ml	5.000
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N	mg/l	60
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N	mg/l	12
9	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P	mg/l	12
10	Sunfua	mg/l	4,8

**\* Ghi chú:**

- *QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;*
- *Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);*
- *K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.*

*1.5.2. Nước thải sản xuất*

**Bảng 4.2. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe</b>
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

**\* Ghi chú:**

- QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Cột B- Quy định giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi thải vào các nguồn tiếp nhận khác với nguồn nước quy định cho cột A - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

**2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải**

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông, hơi xăng dầu. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

**3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung**

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Cửa hàng. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

**CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

Để đánh giá được hiện trạng môi trường trong khu vực của Cửa hàng, báo cáo tham khảo báo cáo giám sát môi trường năm 2022 và năm 2023 của Cửa hàng do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện. Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

**Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải năm 2022, 2023**

TT	Thông số	Đơn vị	Năm 2022		Năm 2023		QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			Đợt 1 30/6	Đợt 2 20/9	Đợt 1 24/4	Đợt 2 02/8	
1	pH	-	7,5	6,9	7,1	7,1	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	380	16	23	361	120
3	COD	mg/l	36	35	40	35	150
4	Tổng dầu mỡ, khoáng	mg/l	4,6	5,2	3,6	3,3	30

*Ghi chú:*

- QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại hố thu gom phía Tây của Cửa hàng.

\* Nhận xét:

Từ kết quả phân tích ở bảng 5.1 cho thấy, tại đợt 1 năm 2022 và đợt 2 năm 2023, thông số TSS vượt QCVN 29:2010/BTNMT. Còn lại các thông số chất lượng nước thải được phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.



**CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

**2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 ngày.

Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
Bể tách dầu mỡ	1/9/2024	3/9/2024	Tùy vào lượng mưa

*Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm có thể muộn hơn trong trường hợp khối lượng nước phát sinh không đảm bảo công suất vận hành thử nghiệm.*

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng nước thải phát sinh tùy vào lượng mưa, lượng nước thải phát sinh lớn nhất khi có mưa khoảng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/.

- Lượng nước thải phát sinh chứa nhiều thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng và dầu mỡ,... công nghệ xử lý nước thải của cơ sở được thực hiện bằng bể tách dầu mỡ 2 ngăn. Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

**2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Cửa hàng có công trình xử lý nước thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, khi đi vào vận hành ổn định, Chủ cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải. Cụ thể:

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải phía Tây của Cửa hàng.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên

tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

- Quy chuẩn áp dụng: cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị.

## **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

### ***2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải***

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

### ***2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án***

#### ***a. Quan trắc nước thải***

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải ở phía Tây của Cửa hàng.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, tổng dầu mỡ.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

## **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở là 5.000.000 đồng.

**CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Thời gian từ năm 2022 đến nay cơ sở chưa tiếp nhận các đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

## **CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.

- Cam kết xử lý nước thải các loại đảm bảo theo quy định tại cột B của QCVN 29:2010/BTNMT – Quy định kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu và Cột B của QCVN14:2008/BTNMT – Quy định kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC;
- Giấy xác nhận công trình ứng phó sự cố tràn dầu;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.
- Các sơ đồ, bản vẽ của cơ sở.